

Bản án số: 254/2023/DS-PT

Ngày: 18-7-2023

“Tranh chấp bồi thường thiệt hại về
tài sản, yêu cầu mở lối đi chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Chí Quốc.

Các Thẩm phán:

- Ông Phạm Văn Diệp
- Ông Nguyễn Quốc Tuấn

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đức Đang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Mộng Thuý, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản, yêu cầu mở lối đi chung”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 84/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 392/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông **Thành An N**, sinh năm 1970; địa chỉ: **1 L, khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N: Luật sư **Phạm Văn T**, Công ty **L** thuộc **Đoàn luật sư tỉnh T**.

- **Bị đơn:**

- + Ông **Trương Văn T1**, sinh năm 1951;
- + Ông **Trương Minh D**, sinh năm 1981;
- + Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1968;

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- + Bà **Thái Thị Đ**, sinh năm 1970;
- + Bà **Thái Thị G1**, sinh năm 1977;
- + Ông **Lê Thanh H**, sinh năm 1974;
- + Ông **Lê Văn Đ1**, sinh năm 1963;
- + Bà **Trần Thị T2**, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: **tổ A, ấp T, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.**

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Trần Thị T2**: ông **Thành An N**, sinh năm 1970; địa chỉ: **1 L, khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.**

Người kháng cáo: Ông **Thành An N** là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 16-12-2019 và quá trình xét xử nguyên đơn ông **Thành An N** trình bày:*

Năm 2001 ông có nhận chuyển nhượng đất của mẹ bà **T2**, ông và mẹ bà **T2** có thỏa thuận chừa cho ông phần đất ngang 5m dài hơn 200m đất tọa lạc tại **xã H, thị xã T, Tây Ninh** để làm lối đi chung giữa ông với gia đình bà **T2**, có đoạn đi qua đất của ông **T1** hơn 100m, việc này có làm giấy tay vào ngày 25 tháng 6 năm 2010. Trên lối đi ông có đổ đất bao nhiêu xe không nhớ, chỉ nhớ số tiền là 22.000.000 đồng. Lối đi này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chồng bà **T2** là ông **Mai Hoàng M** đứng tên, nhưng không xác định được thửa nào, hiện lối đi này có trên bản đồ địa chính. Sau đó ông **D** (con ông **T1**), ông **G**, ông **H**, ông **Đ1** đến mua đất của ông **T1** cất nhà quay cửa ra lối đi của ông, ông có ngăn cản nhưng không được, do ông và bà **T2** bỏ ra số tiền quá lớn để mở lối đi, nên không muốn cho ai đi. Năm 2017 ông làm hàng rào trên đường xe bên giáp đất ông **T1**, ông cấm trụ xi măng và kéo kẽm gai, lúc đó ông có mời bà **T2**, ông **T1** ra xác định ranh cho ông cấm trụ xi măng và có nói với ông **T1** là không cho sử dụng lối đi này, không có ai ngăn cản hay tranh chấp. Còn ông **T1** thì có lối đi đường nông thôn phía ngoài. Ngoài 4 hộ đi trên con đường này thì chỉ có ông và bà **T2** sử dụng lối đi này thôi. Đến cuối năm 2018 thì các bị đơn ông **T1**, ông **D**, ông **G** mới cất kẽm gai dỡ hàng rào. Nay ông yêu cầu cụ thể:

Ông **Trương Văn T1** và ông **Trương Minh D** phải bồi thường trị giá hàng rào mà ông **T1** đã cất 01 đoạn dài 12m, cao 1,8m trị giá 1.800.000 đồng và 01 cửa rào khung bằng sắt cao 1,8m dài 1,2m, có 4 bánh xe đẩy trị giá 1.500.000 đồng, để mở lối đi cho ông **D**. Tại toà ông yêu cầu bồi thường 02 ổ khoá trị giá 200.000 đồng. Tất cả là 3.500.000 đồng.

Ông **Nguyễn Văn G** và vợ là **Thái Thị Đ** phải bồi thường số tiền 750.000 đồng, trị giá hàng rào dài 05m, cao 1,8m, do gia đình ông **G** cất để mở lối đi.

Ông **Lê Thanh H** và vợ là **Thái Thị G1** phải bồi thường số tiền 750.000 đồng, trị giá hàng rào dài 05m, cao 1,8m, do gia đình ông **H** cất để mở lối đi. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Và ông không đồng ý theo yêu cầu phản tố của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông sẽ tiếp tục rào lại không cho sử dụng lối đi của ông.

Về kết quả khảo sát, đo đạc, thẩm định đất tranh chấp và việc định giá tài sản tranh chấp thì ông đồng ý, không có ý kiến gì khác.

Bị đơn ông Trương Văn T1 trình bày: Ông không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, vì từ năm 1985 ông và bà A là mẹ của bà T2 có thỏa thuận chừa đất mở lối đi của gia đình ông và gia đình bà A, là lối đi chung có chiều ngang 04m dài khoảng 150m, trong đó mỗi người 02m ngang, do ông và bà A mua đất giáp ranh nhau, cách con đường bờ. Lúc đó hai bên chỉ thỏa thuận miệng, cũng không ai biết, nên làm lối mòn để đi. Sau đó ông N mua đất của bà A đến xây nhà phía trong giáp suối, là đường cùng, thì vẫn sử dụng lối đi này. Ông N xây nhà chở vật liệu bị hư đường nên mới đổ khoảng 10 xe đất trên lối đi. Việc ông N mua đất của bà A, hai bên thỏa thuận thế nào thì ông không biết. Năm 2016 ông cho con là D ra đất xây nhà ở riêng quay mặt ra lối đi của ông và bà A, lúc xây nhà ông N, bà T2 không ai ngăn cản. Năm 2010 ông bán đất cho ông G, bà D ngang 05m, dài 30m; bán cho ông H, bà G1 ngang 25m dài 30m; năm 2013 cho ông D1 là xui gia đất ngang 10m, dài 20m, đã tách giấy đất cho D, ông D1 xong, còn lại chưa tách giấy. Ngoài lối đi này ra thì các hộ D, ông G, ông H, ông D1 không còn lối đi nào khác. Còn phía sau nhà các hộ trên thì có lối đi bộ đường bờ ruộng, chứ không có lối đi nào khác. Việc ông chừa đất làm lối đi với bà A có thể hiện sơ đồ trên giấy đất của ông là có chừa lối đi, ông N trồng trụ xi măng kéo hàng rào thời gian nào ông không nhớ, nhưng lúc đó đã có 04 hộ xây nhà quay mặt ra lối đi chung là hộ ông D, ông G, ông H, ông D1, lúc đó ông có ngăn cản nhưng không được, ông có báo Trưởng ấp nhưng không giải quyết, ông gửi đơn cũng trả lại, sau đó ông N kiện lên xã hoà giải nhưng không thành. Năm 2019 ông cắt kẽm gai cuốn lại đó để có lối đi, chứ không có lấy đi, có đập ổ khoá để đẩy cửa ra để đi ra ngoài đường. Nay ông không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông N, do đất của ông và bà A chừa làm lối đi chung, mà ông N tự ý làm hàng rào trên lối đi làm bít lối đi nhà con ông và của mấy hộ ông bán đất. Ông có đơn phản tố yêu cầu ông N phải di dời toàn bộ trụ xi măng và kẽm gai làm hàng rào trả lại lối đi chung. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Về kết quả khảo sát, đo đạc, thẩm định đất tranh chấp và việc định giá tài sản tranh chấp thì ông đồng ý, không có ý kiến gì khác.

Bị đơn ông Trương Minh D trình bày: Ông là con của ông T1, ông không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn, vì lối đi của cha ông và bà T2 là lối đi chung có chiều ngang 04m dài hơn 150m, ông phản tố yêu cầu ông Thành An N phải di dời toàn bộ 24 trụ xi măng và toàn bộ hàng rào kẽm gai nằm trên lối đi ngang đất của ông để gia đình ông có lối đi.

Đất của ông xây nhà có nguồn gốc của cha ông cho, diện tích 2.678m², thửa 141, tờ bản đồ 14, đất do hai vợ chồng ông đứng tên, lúc ông xây nhà năm 2016 không ai ngăn cản hay tranh chấp. Năm 2017 ông đi làm ở nhà ông N làm hàng rào, chiều về thấy có đến gặp người làm cho ông N yêu cầu chừa lối đi, nhưng không được, nên ông tự cắt kẽm cuốn lại để đi ra đường, thì ông N đem

khung cửa sắt đến khoá hai đầu, nên ông có đập hai ổ khoá đẩy khung sắt qua một bên để đi ra đường. Vì con đường này là do cha ông (ông T1) và mẹ bà T2 thoả thuận chừa đất mở lối đi chung từ trước, sau này ông N mới đến mua đất của bà T2 là đã có sẵn lối đi, do ông N xây nhà hư đường nên mới đổ đất đắp đường. Khi ông N rào đường thì ông có hỏi bà T2 nói không biết, cũng không kêu ông N rào, đất của ông N ở phía trong cuối lối đi, còn hai bên lối đi này thì không có đất của ông N mà làm hàng rào là không hợp lý. Tại toà ông đồng ý bồi thường cho ông N 3.500.000 đồng.

Về kết quả khảo sát, đo đạc, thẩm định đất tranh chấp và việc định giá tài sản tranh chấp thì ông đồng ý, không có ý kiến gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn G trình bày: Ông cùng vợ là bà Thái Thị Đ mua đất của ông T1 và xây nhà ở từ năm 2010, không ai ngăn cản hay tranh chấp, mặc dù đất này ông mua của ông T1 chưa làm thủ tục chuyển quyền. Năm 2017 ông N làm hàng rào ngang cửa nhà ông làm cho gia đình ông không có lối đi, do vợ chồng ông không có ở nhà nên không biết, khi về không có đường vô nhà nên ông cắt kềm cuốn lại để vô nhà. Ngoài lối đi này ra ông không còn lối đi nào khác. Nay ông không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông N. Ông yêu cầu ông N di dời trụ xi măng và hàng rào trên đất trước cửa nhà để trả lại lối đi chung. Tại toà ông đồng ý bồi thường cho ông N 750.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Về kết quả khảo sát, đo đạc, thẩm định đất tranh chấp và việc định giá tài sản tranh chấp thì ông đồng ý, không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Đ trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông G chồng bà. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H, bà Thái Thị G1 trình bày: Ông bà không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông N, do ông N làm hàng rào ngang trước nhà của ông bà, nên ông bà không có lối đi. Đất ông bà mua của ông T1 chưa làm thủ tục chuyển quyền xong. Khi ông N trồng trụ rào ông bà yêu cầu chừa lối đi ra và xin phụ chi phí làm lối đi nhưng ông N không đồng ý, ông có đơn yêu cầu địa phương giải quyết nhưng không giải quyết, nên ông tự cắt kềm gai để đi ra đường. Ông bà yêu cầu ông N di dời 12 trụ xi măng và hàng rào để trả lại lối đi chung. Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Tại toà bà G1 đồng ý bồi thường cho ông N 750.000 đồng.

Về kết quả khảo sát, đo đạc, thẩm định đất tranh chấp và việc định giá tài sản tranh chấp thì ông bà đồng ý, không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1 trình bày: Ông yêu cầu ông N di dời trụ xi măng và hàng rào trên đất trước cửa nhà của ông. Do đất của ông mua lại của con rể ông. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T2 trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông N. Lối đi này là của riêng bà và đất này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chồng bà ông Mai Hoàng

M đứng tên, bà giao cho ông **N** bảo dưỡng cùng sử dụng chung với bà. Bà không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 84/2022/DS-ST ngày 23-9-2022, của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 169, 254, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 165, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận sự thỏa thuận “Tranh chấp dân sự về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” giữa ông **T3** An Ninh với ông **Trương Văn T1** và ông **Trương Minh D**, ông **Nguyễn Văn G** và bà **Thái Thị Đ**, ông **Lê Văn H1** và bà **Thái Thị G1**.

Ông **Trương Văn T1** và ông **Trương Minh D** phải bồi thường cho ông **T3** An Ninh số tiền 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng; ông **Nguyễn Văn G** và bà **Thái Thị Đ** phải bồi thường cho ông **T3** An Ninh số tiền 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng; ông **Lê Thanh H** và bà **Thái Thị G1** phải bồi thường cho ông **T3** An Ninh số tiền 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông **Trương Văn T1**, ông **Trương Minh D** đối với ông **Thành An N** về yêu cầu tháo gỡ, di dời toàn bộ hàng rào trên lối đi để trả lại lối đi chung có diện tích ngang 04m, dài 173m tại **ấp T, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh**.

Buộc ông **Thành An N** phải tháo gỡ, di dời toàn bộ hàng rào trên lối đi gồm: 11 trụ xi măng làm ranh cao 1,2m; 43 trụ xi măng làm hàng rào cao 2,5m; 06 đường kèm gai chiều dài hàng rào còn hiện hữu là 91,1m; kèm gai bị cắt là 25,1m; 01 tấm cửa sắt, lưới B40 ngang 2,8m x 1,8m để trả lại lối đi chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 30-9-2022, nguyên đơn ông **Thành An N** kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; khôi phục lại hiện trạng hàng rào như ban đầu; những hộ dân xây nhà trên đất của gia đình ông **T1** không được sử dụng con đường chung của ông và bà **T2**.

Tại phiên tòa ông **Thành An N** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N trình bày: Tòa án cấp thẩm bỏ sót yêu cầu của đương sự, bốn người ông **D**, ông **T1**, ông **G**, ông **H** đều có yêu cầu mở lối đi chung, nhưng chỉ xét xử chấp nhận của ông **D** và ông **T1**, chỉ căn cứ vào đơn phản tố xác định tranh chấp lối đi chung, tuy nhiên tranh chấp này chưa được hòa giải tại cơ sở, chưa đủ điều kiện để thụ lý vụ án. Biên bản hòa giải tại cơ sở thiếu thành phần hòa giải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, rõ ràng bà **T2** là người đứng tên trên giấy đỏ nhưng lại thụ lý vụ án mở lối đi chung trên đất của ông **N**, không đưa các con bà **T2** vào tham gia tố tụng; mở con đường đi qua đất bà **T2** nhưng lại yêu cầu ông **N** tháo dỡ hàng rào, ông **N** không có quyền để mở đường đi. Những điều nêu trên chưa được

toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Đồng thời cần làm rõ tính không có căn cứ của công văn số 232 của UBND thị xã T. Đề nghị hủy án sơ thẩm xét xử lại.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thành An N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H, bà D, ông D1 có đơn xin giải quyết vắng, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định trong vụ án có hai quan hệ pháp luật là “tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” và “tranh chấp quyền sử dụng đất là lỗi đi” là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự không kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[2.2] Về diện tích đất tranh chấp: lối đi tranh chấp có diện tích 692m² (ngang 04m, dài 173m), nằm trong thửa D2, tờ bản đồ 14 (BD 2005), loại đất GTO, tọa lạc tại ấp T, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Có tứ cận: Hướng Đông giáp đất bà T2 dài 119m + đất ông H2 dài 51,34m; hướng Tây giáp đất thuộc lối đi công cộng giáp ranh các thửa đất của ông T1, ông D, ông G (các hộ chưa tách thửa); hướng Nam giáp đường xe dài 04m; hướng Bắc giáp đất Huỳnh Ngọc T4 dài 04m.

[2.3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Thành An N thấy rằng:

Ông N cho rằng lối đi chung do ông, bà T2, bà N1 góp lại mà thành, thể hiện tại giấy thỏa thuận lập ngày 25-6-2010 với nội dung “mỗi người một miếng đất cho đi trên con đường giáp từ đường nông thôn thôn T đến suối C.... để làm lối đi chung”. Do ông và bà T2 đã bỏ ra số tiền lớn để mở lối đi nên chỉ muốn ông và bà T2 đi trên lối đi này. Nhưng căn cứ Công văn số 232 ngày 05-7-2022 của Ủy ban nhân dân thị xã T, cung cấp thì lối đi tranh chấp có diện tích 692m² không thể hiện trên bản đồ 299. Theo bản đồ 2005 xã H thì lối đi tranh chấp diện tích 692m² thể hiện là đường đất, mã loại đất GTO, nằm trong thửa D2, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại ấp T, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Hiện, số đất này chưa

có ai kê khai đăng ký và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc ông bà thỏa thuận là không có căn cứ.

Đối với lối đi chung trên đã được ông T1, bà A sử dụng làm lối đi từ năm 1985 và hiện nay đang được các hộ dân gồm hộ ông D, ông G, ông H, ông D1, bà T2 và hộ ông N sử dụng mục đích để làm lối đi chung. Bên cạnh đó, ngoài lối đi chung này, các hộ dân không còn lối đi nào khác nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông D, ông T1, buộc ông N tháo gỡ, di dời toàn bộ hàng rào trên lối đi là phù hợp với quy định tại Điều 169, 254 Bộ luật Dân sự.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đề nghị của luật sư là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Thành An N phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Thành An N.

3. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 84/2022/DS-ST ngày 23-9-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 169, 254, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 165, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Công nhận sự thỏa thuận sự thỏa thuận “Tranh chấp dân sự về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” giữa ông T3 An Ninh với ông Trương Văn T1 và ông Trương Minh D, ông Nguyễn Văn G và bà Thái Thị Đ, ông Lê Văn H1 và bà Thái Thị G1.

Ông Trương Văn T1 và ông Trương Minh D phải bồi thường cho ông T3 An Ninh số tiền 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng; ông Nguyễn Văn G và bà Thái Thị Đ phải bồi thường cho ông T3 An Ninh số tiền 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng; ông Lê Thanh H và bà Thái Thị G1 phải bồi thường cho ông T3 An Ninh số tiền 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trương Văn T1, ông Trương Minh D đối với ông Thành An N về yêu cầu tháo gỡ, di dời toàn bộ hàng rào trên lối đi để trả lại lối đi chung có diện tích ngang 04m, dài 173m tại ấp T, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Buộc ông Thành An N phải tháo gỡ, di dời toàn bộ hàng rào trên lối đi gồm: 11 trụ xi măng làm ranh cao 1,2m; 43 trụ xi măng làm hàng rào cao 2,5m;

06 đường kèm gai chiều dài hàng rào còn hiện hữu là 91,1m; kèm gai bị cắt là 25,1m; 01 tấm cửa sắt, lưới B40 ngang 2,8m x 1,8m để trả lại lối đi chung.

6. Về chi phí tố tụng: Ông **T1** và ông **N** mỗi người chịu 2.425.000 đồng. Ghi nhận ông **T1**, ông **N** đã nộp và Tòa án đã chi xong.

7. Về án phí:

7.1. Về án phí sơ thẩm:

- Ông **Trương Văn T1** được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông **Thành An N**, ông **Trương Minh D** và ông **Nguyễn Văn G** mỗi người chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông **N** được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 02 lần là 600.000 đồng theo Biên lai số 0017793 ngày 20-12-2019 và Biên lai số 1118386 ngày 20-7-2020, các biên lai của Chi cục Thi hành án thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho ông **N** 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí.

- Ông **D** được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0026275 ngày 03-11-2021 của Chi cục Thi hành án **thị xã T, tỉnh Tây Ninh**. Ông **D** nộp đủ tiền án phí.

7.2. Về án phí phúc thẩm: Ông **Thành An N** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0026772 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh TN;
- TAND tx Trảng Bàng
- Chi cục THADS tx Trảng Bàng;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Hà Chí Quốc

